

of Europe in the XIX th century. He has in invented a lot favourite literary works

His short Stories and novels were the real pictures which reflected "the spirit of the time" of the Russia and European society.

Turghenhev specially contribued greatly to the novels poetics. He opened up esthetic areas for subsequent authors. His in flucuce upon the later Russian and French romantic and realistic writers is readily understandable.

ĐẠI HỌC TỔNG HỢP HÀ NỘI
TẠP CHÍ KHOA HỌC No 5 - 1993

TẠP CHÍ
NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ (1954 - 1992)
NHÌN TỪ GÓC ĐỘ LỊCH SỬ SỬ HỌC

HOÀNG HỒNG⁺

Trải qua hơn 40 năm hoạt động, nền sử học cách mạng nước ta đã tích lũy được một khối lượng tri thức lịch sử to lớn bao hàm nhiều lĩnh vực khác nhau của khoa học lịch sử. Xem xét đánh giá quá trình tích lũy tri thức đồng thời tái tạo diện mạo nền sử học cách mạng đang là công việc đặt ra đối với chuyên ngành lịch sử sử học, một chuyên ngành còn rất non trẻ của khoa học lịch sử Việt Nam.

Khôi phục quá trình sử học dài về thời gian, dày về tri thức lại hàm chứa những biến chuyển về tư tưởng, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu là công việc rất phức tạp. Chúng tôi bắt đầu tiến trình trên bằng việc khảo cứu các công trình sử học của một số trung tâm hoạt động sử học lớn ở nước ta. Tạp chí Nghiên cứu lịch sử là khu vực được chú trọng trước hết.

Ra đời tháng 3. 1959 (tiền thân là tập san Văn Sử Địa 6.1954 - 1.1959) trong quá trình hoạt động, tạp chí Nghiên cứu lịch sử luôn đóng vai trò là cơ quan ngôn luận chung của giới sử học Việt Nam và là diễn đàn khoa học quan trọng nhất của khoa học lịch sử Việt Nam.

(+) Khoa Lịch sử trường đại học Tổng hợp Hà Nội

Với 48 số của tập san Văn Sử Địa và 265 số của tạp chí Nghiên cứu lịch sử (tính đến 12/1992) tạp chí đã đăng tải lượng tri thức lịch sử to lớn gồm tất cả các lĩnh vực khác nhau của khoa học lịch sử: lịch sử Việt Nam cổ trung đại, lịch sử Việt Nam cận hiện đại, lịch sử thế giới, lịch sử Đảng, lịch sử quân sự, lý luận sử học....

Những thành tựu mới nhất cũng như các hoạt động chủ yếu của khoa học lịch sử nói chung đều được thể hiện trên tạp chí Nghiên cứu lịch sử. Điềm lại các số của tạp chí Nghiên cứu lịch sử có tới 12 số là những đặc san phản ánh các cuộc hội thảo lớn trong khoa học lịch sử.

Nắm bắt được quá trình hoạt động của tạp chí và những vấn đề lịch sử mà tạp chí đã đề cập trong 39 năm qua (1954 - 1992) chúng tôi tin chắc sẽ góp phần quan trọng tái tạo bộ mặt lịch sử sử học Việt Nam hiện đại.

Trước lượng tri thức lịch sử đồ sộ mà tạp chí đã tích lũy, việc khảo cứu rất khó khăn. Chúng tôi sẽ phải sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu lịch sử khác nhau để xử lý, đánh giá và nhận định. Bài viết dưới đây chưa đặt mục đích tìm hiểu nội dung bên trong những vấn đề lịch sử đã được đề cập trong tạp chí mà bước đầu sử dụng phương pháp thống kê định lượng tìm xu hướng nghiên cứu chung của tạp chí.

Vấn đề cần giải quyết trước tiên là nhận định về xu hướng hoạt động của tạp chí xét về mặt lượng bài nghiên cứu. Chúng tôi lấy đơn vị năm làm đại lượng thời gian tương ứng để xem xét. Trước đây, đã có tác giả lấy số tạp chí làm đại lượng tương ứng để kết luận về xu hướng nghiên cứu nhưng như vậy có thể sẽ không phản ánh đúng thực trạng bởi lẽ các số tạp chí xuất hiện hàng năm không giống nhau. Những năm 1960- 1969, mỗi tháng tạp chí ra 1 số, mỗi năm chỉ có 6 số.

Điềm lại 48 số của tập san Văn Sử Địa và 265 số của tạp chí Nghiên cứu lịch sử chúng tôi thống kê được 2704 bài viết (tập san Văn Sử Địa: 164 bài, tạp chí Nghiên cứu lịch sử : 2540 bài). Như vậy lượng bài trung bình mỗi năm là ≈ 69 bài. Tuy nhiên, trên thực tế, hàng năm lượng bài xuất hiện rất khác nhau. Năm nhiều nhất là 107 bài (1964), năm ít nhất là 19 bài (1954). Nhìn chung độ trừ mật tập trung cao vào các năm: 1963, 1965, 1966, 1967 và 1992.

Để tiện xem xét và so sánh, chúng tôi lập bản thống kê lấy mốc thời gian từ năm 1959 là thời điểm ra đời tạp chí Nghiên cứu lịch sử và đặt 5 năm làm một đơn vị thời gian, ứng với mỗi đơn vị thời gian là số bài đã xuất hiện (xem bảng 1).

Bảng 1

Năm	1959- 1964	1964- 1969	1969- 1974	1974- 1979	1979- 1984	1984- 1989	1989- 1992	Tổng số
Số lượng bài	461	506	258	290	364	350	311	2540

Theo bảng 1, dựa vào công thức tìm mối liên hệ Spirmen, tính được hệ số tương quan $\rho \approx -0,4$. Kết quả đó cho phép kết luận: giữa số lượng bài viết với đơn vị thời gian có mối liên hệ nghịch, lượng bài viết này càng giảm đi theo thời gian (ở bảng 1, đơn vị

thời gian thứ nhất 1989 - 1992 có độ dài chỉ là 4 năm nhưng nếu lấy lượng bài viết tương ứng với đơn vị thời gian thứ hai hay thứ ba thì kết quả tính được vẫn cho kết luận không thay đổi.

Xét về hình thức của các bài viết, chúng tôi lưu ý tới một đặc điểm khác là số trang của các bài viết không giống nhau. Không thể lấy số trang viết để đánh giá chất lượng công trình nghiên cứu nhưng khảo cứu về độ dày của tạp chí theo thời gian hẳn cũng cho ta những kết luận bổ ích. Trong 265 số của tạp chí Nghiên cứu lịch sử có 12 số (1-12) khổ 16×24 ; 250 số (13 - 179 và 183 - 265) khổ 19×27 ; 3 số (180, 181, 182) khổ 14×20 . Lấy khổ 19×27 làm chuẩn, tính được số trang của tạp chí theo đơn vị năm như sau (xem bảng 2).

Bảng 2

Năm	1959- 1964	1964- 1969	1969- 1974	1974- 1979	1979- 1984	1984- 1989	1989- 1992	Tổng số
Số trang	3942	3832	2351	2649	2824	2533	2040	20171

Từ bảng 2, tìm được hệ số tương quan $\rho \approx -0,7$. Kết quả chứng tỏ độ dày của tạp chí theo thời gian đã ngày càng giảm đi rất rõ rệt.

Hai kết luận rút ra từ bảng 1 và bảng 2 cho ta thấy số lượng bài viết và số lượng trang in cùng có xu hướng giảm dần nhưng mức độ giảm của trang in mạnh mẽ hơn mức độ giảm của bài viết. Điều đó cũng có nghĩa số trang viết trung bình cho mỗi bài có xu hướng ngắn lại.

Phân loại 2704 bài viết là một công việc khá phức tạp. Tham khảo cách phân loại của Nguyễn Đình Thi, Trần Ngọc Bích và Phan Phương Thảo trong tạp chí Nghiên cứu lịch sử số 262 (V-VI, 1992) chúng tôi thấy các tác giả này đã dựa vào hai tiêu chí để phân loại. Tiêu chí thứ nhất: Những vấn đề xuyên suốt chiều dài lịch sử; Tiêu chí thứ hai: Thời đại lịch sử. Chẳng hạn tác giả Phan Phương Thảo lập đề mục "Cách mạng Việt Nam" bao gồm tất cả các bài viết về Cách mạng Việt Nam trong mọi lĩnh vực quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa... Từ đề mục này, có thể hình dung được một cách tổng quát về quá trình nghiên cứu cách mạng Việt Nam nhưng như vậy, các đề mục khác như "Đấu tranh chống ngoại xâm" "Hình thái kinh tế xã hội"... là những vấn đề được khảo cứu theo chiều dài lịch sử sẽ phải dừng lại trước 1930.

Trong cách phân loại sau đây, chúng tôi cố gắng dựa vào một tiêu chí: Những vấn đề xuyên suốt chiều dài lịch sử. Song trong một chừng mực nhất định vẫn phải sử dụng đến tiêu chí thứ hai. Chẳng hạn đề mục "Giai cấp công nhân Việt Nam", một vấn đề lịch sử chỉ được xuất hiện từ thời đại. Hoặc đề mục "Phong trào nông dân" chủ yếu đề cập tới cuộc đấu tranh giai cấp trong thời trung đại. Nhưng vì đây là những vấn đề nổi trội, đã được giới sử học coi là mảng đề tài nghiên cứu quan trọng trong nhiều năm nên chúng tôi tách thành đề mục riêng để tiện khảo cứu.

Một khó khăn khác khi phân loại là việc thẩm cứu xác định tính chất bài viết. Nhiều bài viết hàm chứa nội dung của những đề mục khác nhau. Trong những trường hợp này

chúng tôi cố gắng chọn nội dung nào được phản ánh trội vượt hơn để xếp vào đề mục tương ứng. Ví dụ như một số bài viết về khởi nghĩa Hai Bà Trưng, các ông Nguyễn Đình Thi và Trần Ngọc Bích xếp vào mục "Nhân vật lịch sử", nhưng đọc lại chúng tôi thấy các bài viết chủ yếu đề cập tới tính chất và diễn biến của cuộc khởi nghĩa mà ít nói đến nhân vật Trưng Trắc, Trưng Nhị do vậy xếp vào mục "Đấu tranh chống ngoại xâm". Tương tự như vậy, chúng tôi phân biệt ranh giới giữa "Công tác sử học" với "Lý luận sử học"; giữa "Lịch sử chính trị" với công tác tuyên truyền giáo dục...

2704 bài viết được chia thành 16 đề mục. Một số đề mục bao gồm nhiều tiểu mục (hệ thống này sẽ được phân tích kỹ trong một bài viết khác). Đề hình dung về toàn bộ các vấn đề đã được đề cập trong tạp chí và quá trình nghiên cứu các vấn đề đó, chúng tôi biểu thị bằng số liệu thống kê trên bảng 3.

Bảng 3

Số TT	Lĩnh vực nghiên cứu	Số lượng bài nghiên cứu								Tổng số
		1954-1959	1959-1964	1964-1969	1969-1974	1974-1979	1979-1984	1984-1989	1989-1992	
1	Lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm	14	53	110	49	43	60	63	30	422
2	Nhân vật lịch sử	22	56	90	40	42	45	26	74	395
3	Lịch sử chính trị - xã hội	36	89	53	39	39	36	50	38	380
4	Công tác sử học và lý luận sử học	29	97	62	16	9	43	22	25	304
5	Giới thiệu sách và tư liệu	5	22	49	27	34	35	50	38	260
6	Lịch sử thế giới	6	21	21	12	21	34	43	31	189
7	Lịch sử kinh tế	13	15	13	2	22	38	26	27	156
8	Lịch sử văn hóa tư tưởng	19	26	6	16	18	13	34	19	151
9	Dân tộc học và nhân chủng học	3	28	23	15	2	4	8	9	91
10	Phong trào nông dân	8	9	32	8	9	10	10	2	88
11	Địa lý học lịch sử		5	8	5	16	16	9	10	69
12	Giai cấp công nhân	2	6	3	17	18	13	5		64
13	Khảo cổ học	1	21	17	8	1	1	1	8	58
14	Lịch sử địa phương		9	4		9	6	2		30
15	Sự hình thành dân tộc Việt Nam	5	4	1		4	10	1		25
16	Truyền thống dân tộc và C.N anh hùng	1		14	4	3				22
	Tổng số	164	461	506	258	290	364	350	311	2704

Bảng 3 cho thấy chỉ số định mức trung bình số bài cho mỗi đề mục là 169 bài. Như vậy có 6 đề mục có số bài viết trên định mức trung bình; 10 đề mục có số bài viết dưới định mức trung bình. "Lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm" là đề mục có nhiều bài nghiên cứu nhất: 422 bài, trên định mức trung bình 253 bài. Đề mục "Truyền thống dân tộc và chủ nghĩa anh hùng" ít bài nghiên cứu nhất: 22 bài, dưới định mức trung bình 147 bài. Khoảng cách giữa hai đề mục này xét về lượng bài nghiên cứu cách nhau tới 19 lần.

Đề nắm bắt một cách đầy đủ hơn xu hướng nghiên cứu của tạp chí, chúng tôi sử dụng một cách phân loại khác dựa trên tiêu chí phân kỳ lịch sử. Tìm hiểu tạp chí theo cách phân loại này có thể giúp ta hình dung được mức độ đầu tư nghiên cứu của các nhà sử học về các thời đại cụ thể trong lịch sử dân tộc.

Vấn đề phân kỳ lịch sử Việt Nam có lẽ sẽ còn được bàn luận đề thống nhất quan điểm. Sự phân loại sau của chúng tôi tạm dựa theo quan niệm phổ biến hiện nay:

1. Thời tiền sử và sơ sử: Thời đại đồ đá và sơ kỳ đồ đồng.
2. Thời Hùng Vương: Hậu kỳ đồ đồng và sơ kỳ đồ sắt.
3. Đầu Công nguyên đến thế kỷ 10: Thời kỳ Bắc thuộc.
4. Thế kỷ 10 - 1858: Thời kỳ lịch sử trung đại.
5. 1858 - 1930: Thời kỳ lịch sử cận đại.
6. 1930 - nay: Thời kỳ lịch sử hiện đại.

Trong số 2704 bài viết của tạp chí có 949 bài nghiên cứu chung và nghiên cứu lịch sử thế giới, 1755 bài đề cập trực tiếp tới các thời kỳ cụ thể của lịch sử Việt Nam. Bảng 4 thể hiện quá trình nghiên cứu các thời kỳ đó.

Bảng 4

Số TT	Thời kỳ được nghiên cứu	Số lượng bài nghiên cứu								Tổng số
		1954-1959	1959-1964	1964-1969	1969-1974	1974-1979	1979-1984	1984-1989	1989-1992	
1	Thế kỷ 10 - 1858	27	87	117	43	75	106	90	100	645
2	1930 đến nay	30	75	84	77	80	65	77	55	543
3	1858 - 1930	34	67	84	61	42	36	55	47	426
4	Thời đại Hùng Vương	3	18	22	17	2	4			66
5	Đầu CN đến thế kỷ 10	1	1	3	9	12	17	4	5	52
6	Thời Tiền sử		12	6	5					23
	Tổng số	95	260	316	212	211	228	226	207	1755

Qua số liệu trong bảng 4, ta dễ dàng nhận thấy số bài nghiên cứu tập trung vào 3 thời kỳ: "Thế kỷ 10 đến 1858" "1930 đến nay" và "1858 - 1930". Rõ ràng đây là những thời kỳ đã đặt ra nhiều vấn đề lịch sử cần phải giải quyết và chắc chắn các nhà sử học đã gặp thuận lợi khi khai thác các nguồn sử liệu về các thời kỳ này. Điều đáng chú ý là khi so

sánh hai thời kỳ "Thế kỷ 10 đến 1858" và "1930 đến nay" chúng tôi thấy thời kỳ "Thế kỷ 10 đến 1958" nhiều hơn thời kỳ "1930 đến nay" 102 bài. Kết quả tính hệ số tương quan lại cho thấy quá trình nghiên cứu thời kỳ "Thế kỷ 10 đến 1858" có xu hướng tăng ($\rho \approx 0,5$) và quá trình nghiên cứu thời kỳ "1930 đến nay" có xu hướng giảm ($\rho \approx -0,02$). Trong khi đó trên tạp chí Nghiên cứu lịch sử không ít lần nhấn mạnh đến sự ưu tiên đầu tư nghiên cứu lịch sử hiện đại.

Số bài nghiên cứu ít ỏi của ba thời kỳ: "Thời tiền sử", "Thời đại Hùng Vương" và "Đầu công nguyên đến thế kỷ 10" có thể giải thích do nguyên nhân thiếu thốn về tư liệu. Các nghiên cứu về thời tiền sử và thời đại Hùng Vương sở dĩ không còn xuất hiện trên tạp chí từ 1974 vì đã có sự đăng tải của tạp chí Khảo cổ học.

Từ các số liệu thống kê trên đây, có thể rút ra một số nhận xét bước đầu như sau:

1. Sự nổi trội về lượng bài nghiên cứu và lượng trang viết trong những năm 1959 - 1969 tương ứng với giai đoạn, như một số nhà sử học gọi, "lấp lỗ hổng lô gích trong sử học Việt Nam". Đó là giai đoạn mà giới sử học triển khai nghiên cứu với ý nghĩa "bề rộng", giải quyết hàng loạt những vấn đề cơ bản của lịch sử Việt Nam theo quan điểm mới: quan điểm sử học Mác xít. Tạp chí Nghiên cứu lịch sử đã trở thành diễn đàn quan trọng đề công bố các thành tựu ấy.

2. Đề mục "Lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm" có lượng bài nhiều nhất trong 16 đề mục và chiếm 15,6% tổng số bài của tạp chí. Điều này góp phần khẳng định: Trong mấy chục năm qua, mối quan tâm hàng đầu của các nhà sử học Việt Nam là tái tạo quá trình đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc.

3. Số bài nghiên cứu trong tạp chí, nhìn tổng thể tuy có giảm đi nhưng xét từng bộ phận thì xu hướng rất khác nhau. Các vấn đề "Lịch sử thế giới", "Lịch sử kinh tế", "Giới thiệu phê bình sách" và tổ hợp vấn đề "Lịch sử Việt Nam trung đại" có xu hướng nghiên cứu tăng mạnh mẽ. Các vấn đề khác có xu hướng nghiên cứu giảm hoặc tăng không đáng kể. Rất có thể đây là những tín hiệu "tự phát" thông báo về sự chuyển hướng trọng tâm nghiên cứu trong khoa học lịch sử Việt Nam.

THE HISTORICAL STUDIES (1954 - 1992) FROM THE VIEW OF HISTORY

HOANG HONG
Historical Faculty

Using the method of quantitative analysis, the paper mentions about the scientific research tendencies and the history problems published by the Historical Studies since 1954 to 1992.